

Tiết sáu: Văn chương khôn ngoan

Chương ba: SÁCH DIỄM CA (*)

Roland E. Murphy, O. Carm.

Tài liệu Tham khảo

1. Bea, A., *Canticum Canticorum* [Diễm Ca] (Rome, 1953).
Buzy, D., *Le Cantique des Cantiques* [Diễm Ca] (Paris, 1949).
Gerleman, G., *Das Hohe Lied* [Diễm Ca] (BKAT 18; Neukirchen, 1963).
Gordis, R., *The Song of Songs* [Diễm Ca] (NY, 1954).
Joiiion, P., *Le Cantique des Cantiques* [Diễm Ca] (Paris, 1909).
Keel, O., *Das Hohe lied* (ZBK AT 18; Zurich, 1986).
Krinetzki, L., *Das Hohe Lied* (Dusseldorf 1964).
Krinetzki, G. (= L.), *Hoheslied* (NEchtB; Wiirzburg, 1980).
Loretz, O., *Das althebrdische Liebeslied* [Bài tình ca cổ xưa của người Do Thái] (AOAT 14/1; Neukirchen, 1971).
Lys, D., *Le plus beau chant de la creation* [Khúc hát đẹp nhất sáng thế] (LD 51; Paris, 1968).
Meek, T., *The Song of Songs* [Diễm Ca] (IB; NY, 1956).
Murphy, R. E., *Song of Songs* [Diễm Ca] (Herm; Phi, sắp xuất bản).
Pope, M., *Song of Songs* [Diễm Ca] (AB 7C; GC, 1977).
Robert, A., *Le Cantique des Cantiques* [Diễm Ca] (EBib; Paris, 1963).
Rudolph, W., *Das Hohe Lied* (KAT; Gutersloh, 1962). Würthwein, E., *Das Hohelied* (HAT 18; Tübingen, 1969).

Các song hành ngoài Kinh thánh:

- Ai Cập:** Các bản văn trong *LAEG* 296-325; *AEL* 2. 181-93.
Fox, M., *The Song of Songs and the Ancient Egyptian Love Songs* [Sách Diễm ca và Các Bài Tình ca của Ai Cập cổ thời] (Madison, 1985).
Schott, S., *Altägyptische Liebeslieder* [Những bài tình ca của Ai Cập cổ thời] (Zurich, 1950).
White, J. B., *A Study of the Language of Love in the Song of Songs and Ancient Egyptian Poetry* [Nghiên cứu Ngôn ngữ Tình yêu trong Diễm Ca và trong Thi ca Ai Cập Cổ thời] (SBLDS 38; Missoula, 1978).

- Lưỡng Hà:** Các bản văn trong *ANET* 637-45;
Kramer, S. N., *The Sacred Marriage Rite* [Nghi lễ Hôn nhân Thánh thiêng] (Bloomington, 1969).

Xem thêm bình luận của M. Pope, *passim*; và của A. Robert với ngoại luận (*excursus*) của R. Tournay, trang 339-426.

Lịch sử diễn giải:

- Ohly, F., *Hohelied Studien* [Nghiên cứu Diễm Ca] (Wiesbaden, 1938).
Scheper, G. L., "The Spiritual Marriage" [hôn nhân Thiêng liêng] (diss., Princeton, 1971).
Xem thêm các bản tóm tắt trong C. D. Ginsburg, *The Song of Songs* (tái bản Ktav; NY, 1970) 20-102; và M. Pope, *Song* 89-288.

Dẫn Nhập

2. (I). Tựa đề và Niên đại. Tựa đề trong 1:1 ("Bài ca của các bài ca (Song of Songs)"; Bản Phổ Thông, "Bài ca của các bài ca" (Canticle of Canticles) là thành ngữ tiếng Do Thái muốn nói mức tuyệt đối (superlative), "bài ca vĩ đại nhất." Nó áp đặt sự thống nhất lên một tập hợp các bài hát hoặc bài thơ. Sự thống nhất được chỉ định thêm bởi việc quy cho Sa-lô-môn là tác giả, có lẽ vì tên của ông xuất hiện ở 3:7ff. và 8:11ff. Không có lập luận thuyết phục nào về niên đại (xem Pope, *Song* 22-33). Mặc dù ý kiến chung đưa ra ngày tháng hậu lưu đầy, các

bài thơ riêng lẻ có thể đã được sáng tác sớm hơn nhiều. Mặc dù có một số sự phản đối, Dc đã được cả người Do Thái và Kit-tô giáo công nhận là qui điển ngay từ đầu. Nó đã trở thành một trong năm Megilloth, hay cuộn giấy, được chọn để đọc công khai tại Lễ Vượt Qua.

3. (II). Cấu trúc, Sự thống nhất và Hình thức. Không có sự thống nhất nào về cấu trúc hoặc thậm chí số lượng các đơn vị thơ trong Dc. Nó đã được miêu tả như một vở kịch với hai nhân vật chính (Sa-lô-môn và Thiếu nữ Salem [Shulammit]), hoặc thậm chí là ba nhân vật (Sa-lô-môn cố gắng tán tỉnh Thiếu nữ Salem khỏi người tình quê mùa của cô), nhưng quan điểm này phần lớn đã bị bác bỏ vì cho là tùy tiện. Tác phẩm mang tính kịch theo nghĩa là có cuộc đối thoại giữa những người nói sau: một người phụ nữ, một người đàn ông và các Con gái của Giêrusalem. Sự khác biệt về giới tính được chỉ ra rõ ràng trong văn bản tiếng Do Thái, và một số bản dịch hiện đại (*NAB*, *NEB*) cung cấp các nhận dạng bên lề với một lượng khá chắc chắn. Người nói chính là người phụ nữ; người đàn ông xuất hiện vừa là người chăn cừu (1:7) vừa là vua (1:4,12), theo một hư cấu phổ biến trong văn học.

4. Diễm Ca có vẻ ngoài của một tập thơ tình, nhưng những điều này không phải là không có một số dấu hiệu của sự thống nhất.

Có một số điệp khúc (ví dụ: 2:7; 3:5; 8:4; 2:6; 8:3); rất nhiều từ và cụm từ được lặp lại, và cùng một chủ đề xuất hiện liên tục. Mặt khác, có những thay đổi đột ngột trong đối thoại (2:13-15; 3:5-6) và phong cảnh (5:1-2) khó giải thích. Bài bình giải này sẽ chấp nhận cấu trúc đối thoại, liên kết các bài thơ bằng phương tiện đối thoại như một sợi chỉ thống nhất (R. E. Murphy trong *CBQ* 39 [1977] 482-96; ngược lại, hãy xem phân tích cấu trúc của C. Exum trong *ZAW* 85 [1973] 47-79).

5. Một số hình thức văn học xuất hiện: thơ khảo khát (1:2-4; 2:14-15), trêu chọc (1:7-8; 2:15), ngưỡng mộ (1:15-2:3; 4: 9-5:1; 6:4-7), hồi tưởng (2:8-13), khoe khoang (6:8-10), và mô tả về những nét quyến rũ về thể chất (điều gọi là *wasf*, 4:1-7; 5:10-16; 7:1-6). Các hình thức tương tự xuất hiện trong các bài hát tình yêu của Ai Cập cổ thời. Mặc dù những bài thơ này là độc thoại chứ không phải đối thoại, chúng có nhiều điểm tương đồng với Diễm Ca, chẳng hạn như việc sử dụng thuật ngữ "em gái" để chỉ định người phụ nữ (Dc 4:9-12). Chúng cũng chứa một số chủ đề chung cho Diễm Ca và tất cả các tác phẩm văn học tình yêu: bệnh tương tư, tên, trở ngại cho tình yêu, tính độc đáo, v.v.

6. (III). Giải Thích. Đáng chú ý là cả hội đường Do Thái và Giáo hội đều đồng ý về một giải thích tôn giáo: Diễm Ca ám chỉ tình yêu của Chúa dành cho dân của Người hoặc, đối với các Ki-tô hữu, tình yêu của Chúa Kitô dành cho Giáo hội (hoặc tâm hồn cá nhân). Quan điểm này được hỗ trợ bởi chủ đề về cuộc hôn nhân giữa Chúa và Israel (Hs 1-3; Is 62:5, v.v.). Do đó, bản dịch targum coi bài hát như một ẩn dụ về lịch sử của Israel, từ cuộc di cư trở đi. Đối với các Ki-tô hữu, Origen đã đặt ra khuôn mẫu cho phúng dụ [allegory] trong các tác phẩm của mình (xem R. E. Murphy trong *CBQ* 43 [1981] 505-16).

Cái nhìn sâu sắc cơ bản của diễn giải truyền thống có nhiều điều để khuyến khích. Tình yêu của con người không nên được xem xét tách biệt với tình yêu thần thiêng, như biểu tượng hôn nhân trong Kinh thánh chỉ ra. Nhưng phương pháp phúng dụ, theo đó mỗi chi tiết trong bài thơ đều chuyển tải một ý nghĩa, không thể được khuyến khích. Diễm Ca không được viết như một phúng dụ. Theo nghĩa lịch sử theo nghĩa đen, nó ám chỉ tình yêu giữa con người. Khi các chi tiết được chuyển sang một bình diện khác, cánh cửa sẽ mở ra cho những cách

diễn giải kỳ quặc làm méo mó nhận thức ban đầu. Ngôn ngữ của tình yêu, dù là của con người hay của thần thiêng, đều quá tinh tế đối với điều đó.

7. Trong thời hiện đại, một lý thuyết tôn giáo đã được đề xuất. Những tiếp xúc về mặt văn học và chủ đề giữa Diễm Ca và các bài hát kết hôn thánh thiêng của nghi lễ Tammuz-Ishtar (xem S. N. Kramer; T. Meek) đã dẫn đến chủ trương cho rằng những bài thơ ban đầu được sử dụng trong nghi lễ ngoại giáo, và sau đó được truyền vào truyền thống của Israel. Việc tái tạo như vậy đòi hỏi nhiều bằng chứng hơn là ngôn ngữ và chủ đề tương tự được chia sẻ bởi Diễm Ca và các bài thơ phụng tự. Ngôn ngữ của tình yêu có cả hai mặt; hôn nhân của các vị thần cuối cùng phải được mô tả theo kinh nghiệm tình yêu của con người, và ngược lại, hình ảnh của phụng tự có thể ảnh hưởng đến cách phát biểu của con người. Lý thuyết tôn giáo không thực sự diễn giải Diễm Ca; đúng hơn, nó tái tạo một thời tiền sử.

8. Quan điểm học thuật hiện tại cho rằng nghĩa đen của Diễm Ca là sự phát biểu tình yêu của con người. Bất kể có sự khác biệt về quan điểm liên quan đến số lượng nhân vật, cấu trúc hay bản chất kịch tính của tác phẩm, thì vẫn có sự đồng thuận rộng rãi về điểm này. Có vẻ như đó là ý nghĩa hiển nhiên của ngôn ngữ. Tuy nhiên, người ta không muốn tranh luận rằng nghĩa đen lịch sử đã làm cạn kiệt ý nghĩa của Diễm Ca. Lý thuyết giải thích hiện đại thừa nhận rằng bất cứ bản văn nào cũng có một cuộc sống sau này, rằng nó có được ý nghĩa khi nó sống trong cộng đồng trân trọng nó. Điều này không có nghĩa là sự hồi sinh của cách tiếp cận phúng dụ. Thay vào đó, nó nhận ra một chiều hướng khác của tình yêu con người—nó chung chia cách nào đó với tình yêu thần thiêng. Như Dc 8:6 đã nói, tình yêu con người là “ngọn lửa của Gia-vê.”

9. (IV). Văn Phong. Diễm Ca biểu lộ những phẩm chất văn học khác thường. Người ta dễ dàng nhận ra sự phong phú dễ chịu của những hình ảnh được rút ra từ bầu không khí của các cánh đồng: linh dương và hươu cái, chim bồ câu và cáo, cừu và dê. Những món quà của thiên nhiên có rất nhiều: rượu và vườn nho, tuyết tùng và cây bách, sung và lựu. Hình ảnh được lấy từ nhiều thế giới. Không chỉ địa điểm mà cả con người cũng được biến đổi. Có một đặc điểm "giả vờ" về tình yêu, một sự lý tưởng hóa không có giới hạn khi những người yêu nhau nói về nhau. Do đó, người ta nghe nói về một "tháp ngà" (7:5) và đôi môi nhỏ giọt mật được hào hạng (5: 13). Người đọc hiện đại phải điều chỉnh phần nào với hình ảnh vì nó vừa mang tính biểu tượng vừa gợi cảm, như sự so sánh mái tóc của người phụ nữ với một đàn dê đang đổ xuống Núi Gilead. Thi ca và hình ảnh hiện diện không phải vì mục đích phân tích, mà là để thưởng thức trí tưởng tượng. Tình yêu đã tạo ra một thế giới riêng của nó (cf. M. Fox, *JBL* 102 [1983] 219-28; O. Keel, *Deine Blicke sind Tauben: Zur Metaphorik des Hohen Liedes* [Ánh mắt em như chim bồ câu: Theo ẩn dụ của bài Diễm Ca] [SBS 114/115; Stuttgart, 1984]).

10. (V). Tầm quan trọng về mặt thần học. Cách diễn giải truyền thống của Ki-tô giáo về Diễm Ca nảy sinh từ sự hiểu biết lấy Chúa làm trung tâm về Cự Ước. Tuy có giá trị, nhưng đó không phải là cách tiếp cận duy nhất đối với Cự Ước và cũng cần được mở rộng bằng cách lắng nghe văn bản ở bình diện lịch sử của nó. Israel đã chống lại sự thần thánh hóa tình dục đặc trưng của Cận Đông cổ thời. Chúa không có người phối ngẫu nữ. Tình yêu nam nữ được coi là tốt về bản chất; nó thậm chí có thể là biểu tượng của tình yêu thần thiêng. Diễm Ca trình bày cho chúng ta một mô hình Kinh thánh về sự thân mật của con người (xem R. E. Murphy, *Concilium* 121141 [1979] 61-65). Sự hỗ trợ và lòng chung thủy giữa những người yêu nhau, sự gợi cảm trong mối quan hệ của họ, sự tận tụy của họ dành cho nhau, rõ

ràng xuất phát từ Diễm Ca. Người ta cho rằng các nhà hiền triết của Israel chịu trách nhiệm bảo tồn và truyền bá tình yêu này (so sánh B. Childs, *CIOTS* 574-79) vì họ nhận ra một biểu hiện lành mạnh về các giá trị của tình yêu con người (so sánh Châm ngôn 5: 18; 18:22). Kitô giáo có thể biết ơn về sự hiểu biết sâu sắc này, đặc biệt là dưới góc nhìn của một số học thuyết ngộ đạo ban đầu. Cách giải thích truyền thống cung cấp một bình diện ý nghĩa khác, nhưng không phải là hào quang, cho một tác phẩm thực sự là lời bình luận về Sáng thế 1-2 (so sánh O. Loretz, *BZ* 10 [1966] 29-43).

(*) *The New Jerome Biblical Commentary, Student Edition* các tr.462-463